**MỘT SỐ HÀM CƠ BẢN TRONG PHP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên hàm** | **Ý nghĩa** | | **Ví dụ** |
| **HÀM XỬ LÝ CHUỖI HAY DÙNG** | | | |
| **echo()** | in một chuỗi ra màn hình | | <?php      echo 'Tên sinh viên';  ?> |
| **md5(str)** | Chuyển đổi 1 chuỗi str sang dạng mã hóa 32 kí tự | | <?php      $password = '123456';      echo md5( $password );  ?> |
| **sha1(str)** | Chuyển đổi 1 chuỗi sang dạng mã hóa 40 kí tự | | <?php      $password = '123456';      echo sha1( $password );  ?> |
| **strlen()** | Lấy độ dài của một chuỗi | | <?php  echo strlen(“hello”); kết quả:5  ?> |
| **str\_word\_count()** | Đếm số lượng từ trong một chuỗi | | <?php  echo str\_word\_count(“hello word”);  kết quả:2  ?> |
| **strrev()** | Đảo ngược chuỗi | | <?php  echo strrev(“hello word”);  kết quả: drow olleh  ?> |
| **ucwords()** | Chuyển đổi chữ cái đầu tiên của mỗi từ từ in thường sang in hoa | | <?php  echo uswords(“hello word”);  kết quả: Hello Word  ?> |
| **strtoupper()** | Chuyển toàn bộ chuỗi thành chữ in hoa | | <?php  echo strtoupper(“hello word”);  kết quả: HELLO WORD  ?> |
| **strtolower()** | Chuyển toàn bộ chuỗi thành chữ in thường | | <?php  echo strtolower(“HELLO WORD”);  kết quả: hello word  ?> |
| **str\_repeat()** | Lập lại chuỗi | | <?php  echo str\_repeat(“hello word”,2);  kết quả: hello word hello word  ?> |
| **Date()** |  | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
| **HÀM TOÁN HỌC** | | | |
| **Ceil()** | Làm tròn các số lên | | <?php  echo (ceil(7.3));  kết quả: 8  ?> |
| **Floor()** | Làm tròn các sô xuống | | <?php  echo (floor(7.7));  kết quả: 7  ?> |
| **Sqrt()** | Trả về căn bậc 2 của đối số đã cho | | <?php  echo (sqrt(16));  kết quả: 4  ?> |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
| **HÀM XỬ LÝ MẢNG** | | | |
| **Array()** | Sử dụng để tạo và trả về một mảng | | <?php  $mang = array(“summer”,”spring”);  ?> |
| **Count()** | Đếm tất cả phần tử trong một mảng | | <?php  $mang = array(“summer”,”spring”);  Kết quả: 2  ?> |
| **Sort()** | Sắp xếp tất cả các phần tử trong một mảng theo thứ tự tăng dần | | <?php  $mang = array(“3”,”4”,”1”,”2”);  Sort($mang);  Kết quả: 1 2 3 4  ?> |
| **Rsort()** | Sắp xếp tất cả các phần tử trong một mảng theo thứ tự giảm dần | | <?php  $mang = array(“3”,”4”,”1”,”2”);  Sort($mang);  Kết quả: 4 3 2 1  ?> |
| **Strcmp()** | So sánh hai chuỗi | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
| **in\_array($needle, $haystackarray)** | Kiểm tra giá trị $needle có trong mảng $haystackarray hay không | |  |
| **array\_key\_exists($key, $searcharray)** | Kiểm tra key $key có trong mảng $searcharray hay không | |  |
| **HÀM KIỂM TRA DỮ LIỆU** | | | |
| **isset($var)** | Dùng để kiểm tra biến $var có tồn tại hay không. Thông thường bạn hay dùng để kiểm tra một biến trước khi xử lý thao tác đến nó | | |
| **empty($var)** | Kiểm tra biến $var có phải giá trị trống hay không. Tất cả các giá trị như: số 0, giá trị null, giá trị rỗng, giá trị false đều được quy về là empty. Nếu biến $var không tồn tại thì hàm này vẫn không báo lỗi và sẽ trả kết quả về false | | |
| **is\_array($var)** | Kiểm tra biến $var có phải kiểu mảng hay không | | |
| **is\_string($var)** | Kiểm tra biến $var có phải kiểu chuỗi hay không | | |
| **is\_int($var) hoặc is\_integer($var), is\_float($var), is\_double($var),** | Kiểm ta các kiểu số | | |
| **MỘT SỐ HÀM KHÁC** | | | |
| **date()** | Trả về ngày tháng hiện tại | <?php  echo date('d/m/Y');  echo date('c'); //đầy đủ  ?> | |
| **phpinfo();** | Xem tất cả thông tin về PHP |  | |
| **Hằng magic** | \_\_FILE\_\_ - Tên tập tin hiện tại.  \_\_DIR\_\_ - Đường dẫn thư mục hiện tại.  \_\_FUNCTIONS\_\_ - Hàm hiện tại.  \_\_CLASS\_\_ - Lớp hiện tại.  \_\_METHOD\_\_ - Phương thức hiện tại.  \_\_NAMESPACE\_\_ - Namespace hiện tại. | <?php  echo \_\_DIR\_\_;  ?>  Trả về  D:\xampp\htdocs\php1\lab1 | |